



43B 019.72

43B
019.72

020.62

1. PHƯƠNG TIỆN**(VEHICLE)**Biển đăng ký: 43B-019.72
(Registration Number)Số quản lý: 4301S-010285
(Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô khách

Nhãn hiệu: (Mark) MERCEDES

Số loại: (Model code) MB140

Số máy: (Engine Number) 66291110162148

Số khung: (Chassis Number) KPD66111853905966

Năm, Nước sản xuất: 2003, Việt Nam
(Manufactured Year and Country)Niên hạn SD: 2023
(Lifetime limit to)Kinh doanh vận tải (Commercial Use) ☐Cải tạo (Modification) ☐**2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT****(SPECIFICATIONS)**Công thức bánh xe: 4x2
(Wheel Formula)Vết bánh xe:
(Wheel Tread)

1520/1530

(mm)

Kích thước bao: (Overall Dimension)

5340 x 1855 x 2105

(mm)

KT khoang hành lý lớn nhất

(Largest luggage container dimension)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2680

(mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass)

(mm)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT:

2060 (kg)

Design/Authorized pay load)

(kg)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT:

Design/Authorized total mass)

3100/3100 (kg)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT:

Design/Authorized towed mass)

(kg)

Người cho phép chở: 16 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm

Possible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel

Dung tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement)

2874 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 70(kW)/4000vph

(No.) DA-0594605

1534844747

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 195/75R16

2: 2; 195/75R16

Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No)

4304D-07594/22

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 07/07/2022

Đã Nẵng, ngày 8 tháng 4 năm 2022

(Issued on: Day/Month/Year)

HÒA CẨM ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH

CHI NHÁNH (INSPECTION CENTER)

CÔNG TY CỔ PHẦN

KỸ THUẬT

ĐBL

PHÓ ĐẠO PHÓ GIÁM ĐỐC



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

Tên chủ xe (Owner's full name):

VPĐD CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN A VƯƠNG

Số máy (Engine N^o):

291110162148

Địa chỉ (Address):

91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Cẩm Lệ, ĐN

Số khung (Chassis N^o):

111853905966

Nhãn hiệu (Brand): **MERCEDES-BENZ**

Số loại (Model code): **MB140**

Loại xe (Type): **Ô tô khách**

Dung tích (Capacity): **2874**

Màu sơn (Color): **Trắng**

Tải trọng: **Hàng hoá:**

kg; Số chỗ ngồi (Sit): **16** đứng (Stand): **năm (Lie):**

Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): **31/12/2023**

Đà Nẵng, ngày (date) **05** tháng **12** năm **2014**

TRƯỞNG PHÒNG

Biển số đăng ký (N^o Plate) (T)

43B-019.72

Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration
18/11/2003

Thượng tá: LÊ NGỌC